

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28/02/2025

V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, xin ly hôn
và nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hữu Danh;
2. Ông Phan Phước Tân.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Hà Thanh Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy. – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1086/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Trúc L, sinh năm 1996; nơi cư trú: Tổ C, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang – Vắng mặt có đơn.

Bị đơn: Ông Đoàn Văn T, sinh năm 1989; nơi cư trú: ấp A, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang – Vắng mặt có đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Võ Thị Trúc L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của bà L và ông T là tự tìm hiểu, yêu thương nhau được cha mẹ hai bên đồng ý tiến hành tổ chức lễ cưới, thực hiện đăng ký kết hôn vào ngày 14/5/2021 tại Ủy ban nhân dân thị trấn A.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây, vợ chồng ông bà bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Khi say ông T có hành động, lời nói xúc phạm đến bà, khiến tình cảm vợ chồng tình cảm vợ chồng phai nhạt, không còn tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Khoảng tháng 11/2024, vợ chồng xảy ra tranh cãi nên bà quay về nhà mẹ ruột sinh sống cho đến nay.

Trong thời gian đó, hai bên gia đình không hàn gắn để ông bà tự giải quyết, bà nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể chung sống hạnh phúc nên bà kiên quyết xin ly hôn với ông T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống ông bà sinh được một người con chung tên Đoàn Võ Minh K, sinh ngày 22/6/2021, hiện sống với ông T, bà đồng ý cho ông T được tiếp tục nuôi con chung, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà yêu cầu không tiến hành hòa giải mà đưa vụ án ra xét xử do bà kiên quyết ly hôn, không còn tình cảm với ông T.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt cho ông T theo quy định nhưng ông T vẫn không có mặt theo các thông báo của Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân của bà L và ông T để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chứng cứ mà Tòa án thu thập được:

Theo Biên bản ghi nhận ý kiến ngày 20/02/2025, ông T trình bày: Ông nhận được các Thông báo của Tòa án nhưng do bận đi làm không đến được. Hôn nhân của ông và bà L đúng như bà L cung cấp cho Tòa án. Trong quá trình chung sống, vợ chồng ông rất hạnh phúc, cùng nhau đi làm kinh tế ổn định, không có mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến ly hôn. Khoảng 02 tháng gần đây, bà L có biểu hiện thân thiết với một người đàn ông, khi ông lên tiếng thì hai bên xảy ra tranh cãi, ông có nhiều lời nói xúc phạm bà L. Từ đó, bà không đồng ý chung sống mà quay về nhà mẹ ruột ở V và ly thân với ông.

Ông có đến nhà vợ để trình bày cho cha mẹ vợ biết rõ sự việc nhưng thái độ bà L rất cứng rắn, không đồng ý quay lại chung sống. Trong thời gian này, nhiều lần bà L đến thăm con nhưng nhất quyết không chịu hàn gắn tình cảm.

Nay ông nhận thấy vẫn còn tình cảm nhưng bà L nhiều lần yêu cầu ly hôn, ông không đồng ý thì bà L nộp đơn đến Tòa án yêu cầu giải quyết. Ông nhận thấy tình cảm vợ chồng xuất phát từ một phía không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đoàn Võ Minh K, sinh ngày 22/6/2021, hiện đang do ông cùng gia đình chăm sóc. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn ông đồng ý tiếp tục nuôi và yêu cầu bà L phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Thống nhất lời trình bày của bà L.

Về nơi cư trú: Theo biên bản xác minh tại Công an thị trấn A 13/02/2025 xác định ông Đoàn Văn T vẫn còn đăng ký hộ khẩu tại địa chỉ tổ K, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang, chưa có thông tin tách chuyển đi nơi khác.

Tại phiên tòa, bà L, ông T vắng mặt có đơn nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông bà theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Hôn nhân giữa bà L và ông T xuất phát từ tình cảm tự nguyện, có thực hiện đăng ký kết đúng quy định. Nhận thấy mâu thuẫn ông bà chỉ mới phát sinh khoảng 02 tháng nay nhưng ông bà không có ý định hàn gắn, gia đình hai bên bỏ mặt, cho thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L xin ly hôn với ông T là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà L phải cấp dưỡng nuôi con với mức 50% theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP về việc hướng dẫn áp dụng quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình và Nghị định 74/2024/NĐ-CP định về mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động, cho đến khi cháu Đoàn Võ Minh K đủ 18 tuổi, bắt đầu khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà L chung sống với ông T đến đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn, Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, nuôi con chung là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông T hiện đang cư trú tại khóm A, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, An Giang.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Trúc L, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Bà L và ông T tiến đến hôn nhân là do tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được hai bên gia đình đồng ý tiến hành tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang vào năm 2011

nên phát sinh trách nhiệm pháp lý, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và được pháp luật bảo vệ theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nguyên nhân ly hôn bà L trình bày là do ông T có nhiều lời nói xúc phạm bà nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau dẫn đến bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình.

Phía ông T cho rằng, hiện nay vợ chồng ông không có mâu thuẫn để dẫn đến ly hôn. Quá trình chung sống, ông thừa nhận có tranh cãi với bà L về việc bà quá thân thiết với một người đàn ông, sự việc kéo dài không được giải quyết nên dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, ảnh hưởng tình cảm vợ chồng, nay không hàn gắn được, ông chấp nhận Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn của bà L theo quy định pháp luật.

Mặc dù Tòa án và ông T đã nhiều lần phân tích, động viên, hòa giải tình cảm vợ chồng nhưng bà L vẫn cương quyết xin được ly hôn với ông T. Tại phiên tòa hôm nay, bà L, ông T cùng vắng mặt và bà L yêu cầu Tòa không hòa giải tình cảm mà căn cứ những chứng cứ trong vụ để làm căn cứ giải quyết và tiến hành xét xử vụ án. Điều đó chứng tỏ, bà L và cả ông T không mong muốn tiếp tục duy trì đời sống vợ chồng.

Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, khả năng ông bà quay lại chung sống hạnh phúc là không thể nên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà L theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Có 01 con chung tên Đoàn Võ Minh K, sinh ngày 22/6/2021, hiện đang sống cùng với ông T và gia đình.

Đối với yêu cầu nuôi con chung của ông T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Xét thấy, con chung hiện sống ổn định, được chăm sóc và phát triển tốt, việc thay đổi chỗ ở, hoàn cảnh sống đột ngột sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý và sự phát của các cháu sau này; bà L và ông T cũng đã thống nhất việc cháu K sẽ được ông T cùng gia đình tiếp tục chăm sóc. Do đó, việc tiếp tục giao cháu K cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh và quy định của pháp luật.

[3.3] Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T có yêu cầu bà L phải cấp dưỡng nuôi con, các bên không thỏa thuận được

mức cấp dưỡng. Căn cứ khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP về việc hướng dẫn áp dụng quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình và Nghị định 74/2024/NĐ-CP định về mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động thì bà L phải cấp dưỡng với mức 1.725.000đ mỗi tháng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi, bắt đầu khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử giải thích cho các đương sự biết: Ông T cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông T không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà L là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng. Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Trúc L.

1. Về hôn nhân: Bà Võ Thị Trúc L được ly hôn với ông Đoàn Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Đoàn Võ Minh K, sinh ngày 22/6/2021 cho ông Đoàn Văn T cùng gia đình tiếp tục nuôi dạy.

Bà L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng với số tiền 1.725.000đ cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi, bắt đầu khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông T cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí: Bà Võ Thị Trúc L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010259 ngày 15/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú. Bà L nộp bổ sung 300.000đ.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/02/2025), các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo đối với người vắng mặt được tính kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh AG (1);
- VKS tỉnh AG (1);
- VKS huyện AP (2);
- THADS huyện AP (1);
- UBND xã nơi ĐKKH (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu VP (1);
- Lưu HS (1).

Nguyễn Thị Thảo Ngân